

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án Đổi mới cơ chế hoạt động và thực hiện xã hội hóa công tác đào tạo của Học viện Hàng không Việt Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20/12/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 24/10/2014 của Chính phủ về thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập giai đoạn 2014-2017;

Căn cứ Nghị quyết số 31-NQ/BCSD ngày 20/10/2014 của Ban Cán sự đảng Bộ Giao thông vận tải về đổi mới cơ chế hoạt động và thực hiện xã hội hóa các trường, học viện thuộc Bộ Giao thông vận tải;

Xét đề nghị của Giám đốc Học viện Hàng không Việt Nam tại Công văn số 1056/HVHK-HCTH ngày 23/12/2014 về việc phê duyệt Đề án Đổi mới cơ chế hoạt động và đẩy mạnh xã hội hóa công tác đào tạo của Học viện Hàng không Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án Đổi mới cơ chế hoạt động và thực hiện xã hội hóa công tác đào tạo của Học viện Hàng không Việt Nam với những nội dung cơ bản như sau:

I. QUAN ĐIỂM

- Thực hiện đổi mới cơ chế hoạt động và thực hiện xã hội hóa công tác đào tạo của Học viện Hàng không Việt Nam (sau đây gọi tắt là Học viện) phải phù hợp quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước theo Nghị quyết số 29-NQ/TW Hội nghị lần thứ 8, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và

hội nhập quốc tế; Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 09/8/2012 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Thông báo Kết luận số 37-TB/TW ngày 26/5/2011 của Bộ Chính trị về Đề án "Đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập"; Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 24/10/2014 của Chính phủ về thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập giai đoạn 2014-2017. Trong đó, phải coi đổi mới phương thức quản trị nhà trường, phát huy tối đa tính tự chủ tự chịu trách nhiệm là yếu tố quyết định, là khâu đột phá để thực hiện thành công chủ trương đổi mới căn bản, toàn diện và nâng cao chất lượng đào tạo.

- Đổi mới cơ chế hoạt động và đẩy mạnh xã hội hóa công tác đào tạo của Học viện nhằm tăng tính chủ động, tăng hiệu quả khai thác các nguồn lực hiện có; huy động các nguồn lực xã hội tham gia có hiệu quả vào quá trình đào tạo.

- Đổi mới cơ chế quản lý, tăng quyền tự chủ, tăng trách nhiệm để nâng cao chất lượng đào tạo, đảm bảo hiệu quả hoạt động; gắn công tác đào tạo của Học viện với nhu cầu, mục tiêu phát triển của Ngành, của đất nước trong khuôn khổ quy định của pháp luật.

- Thực hiện tự chủ trong hoạt động là tiền đề để đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục của Học viện.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Đổi mới cơ chế hoạt động, đẩy mạnh xã hội hóa nhằm phát triển Học viện trở thành cơ sở cung ứng dịch vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ có uy tín trong nước và khu vực, hoạt động theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Phấn đấu đến năm 2020, Học viện Hàng không Việt Nam trở thành một trong những thương hiệu đào tạo uy tín của Việt Nam và khu vực; cung ứng dịch vụ đào tạo chất lượng cao đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế cho ngành hàng không và cho xã hội.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Giai đoạn 2015 – 2017: xây dựng, hoàn thiện hệ thống quy định, quy trình, hướng đến được giao quyền tự chủ toàn diện. Phấn đấu đảm bảo 80% chi phí hoạt động thường xuyên từ nguồn thu hoạt động dịch vụ giáo dục, đào tạo; nguồn thu phí, lệ phí và nguồn thu khác trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

b) Giai đoạn 2018 - 2020: thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm trên các mặt: Tuyển sinh, đào tạo và nghiên cứu khoa học; tiếp tục hoàn thiện hệ thống

quy định, quy trình về tổ chức, nhân sự, tài chính và quản lý, khai thác tài sản. Phần đầu tự đảm bảo 100% kinh phí chi thường xuyên hàng năm.

c) Từ sau năm 2020 trở đi, thực hiện tự chủ hoàn toàn trên tất cả các lĩnh vực; tự đảm bảo kinh phí hoạt động, chi đầu tư phát triển, bộ máy tổ chức vận hành linh hoạt hướng đến hoạt động theo mô hình doanh nghiệp; khai thác có hiệu quả các nguồn lực, tổ chức đào tạo theo chương trình đặc thù, sản phẩm đào tạo đạt tiêu chuẩn quốc tế.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nâng cao nhận thức về đổi mới cơ chế hoạt động và thực hiện xã hội hóa

a) Tăng cường tuyên truyền, giáo dục và vận động nhằm quán triệt sâu rộng về đổi mới cơ chế hoạt động và thực hiện xã hội hóa đối với đội ngũ lãnh đạo, công chức, viên chức, giảng viên, giáo viên của Học viện, đặc biệt là đội ngũ cán bộ lãnh đạo của Học viện. Xác định mục tiêu đổi mới cũng chính là để xây dựng thương hiệu của Học viện và gắn liền với uy tín lãnh đạo của người đứng đầu Học viện.

b) Thông qua các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên, tổ chức tuyên truyền, giáo dục để nâng cao nhận thức, thống nhất tư tưởng, tạo sự đồng thuận, gắn kết, ủng hộ của mọi cá nhân, tập thể đối với chủ trương và định hướng đổi mới cơ chế hoạt động của Học viện.

2. Về công tác đào tạo

a) Đổi mới phương thức tuyển sinh

- Xây dựng và tổ chức thực hiện Đề án tự chủ tuyển sinh, trong đó từ năm 2015 thực hiện tự chủ tuyển sinh một số ngành ở trình độ đại học, cao đẳng hệ chính quy. Đến năm 2017, tự chủ tuyển sinh tất cả các ngành, nghề đào tạo tại Học viện.

- Xây dựng phương án tuyển sinh phù hợp với từng ngành nghề, trình độ đào tạo, gắn với điều kiện, yêu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp. Đưa tiêu chuẩn về ngoại hình, thể trạng của thí sinh đối với một số ngành đặc thù như: Tiếp viên hàng không, đặt chỗ bán vé...; huy động sự tham gia trực tiếp của các doanh nghiệp, tổ chức chuyên ngành trong công tác tuyển sinh một số nghề đặc thù.

b) Quy hoạch hệ thống chương trình đào tạo theo nhiều cấp độ, đáp ứng nhu cầu cụ thể của từng phân khúc thị trường lao động

- Phát triển các sản phẩm đào tạo gắn với lộ trình phát triển Học viện theo các Đề án, Chiến lược phát triển Học viện đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã được phê duyệt.

- Tổ chức nghiên cứu, phân tích thị trường lao động, xác định các phân khúc thị trường mục tiêu; gắn kết, chuyển đổi nhu cầu của thị trường thành mục tiêu đào tạo. Tổ chức các chương trình đào tạo theo từng thị trường mục tiêu; xác định quy mô đào tạo, nội dung đào tạo, điều kiện tốt nghiệp, chuẩn đầu ra cụ thể cho từng chương trình gắn với đặc điểm, nhu cầu và yêu cầu của phân khúc thị trường đó.

- Thực hiện quy hoạch hệ thống sản phẩm đào tạo thành 3 nhóm:

+ Nhóm 1: Các chương trình đào tạo trình độ đại học, cao đẳng. Nhóm này định hướng duy trì quy mô đào tạo, chi phí đào tạo xác định theo lộ trình tính giá dịch vụ đào tạo;

+ Nhóm 2: Các chương trình đào tạo chuyên ngành chất lượng cao. Nhóm này bao gồm những ngành, nghề như Kiểm soát không lưu, Kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay, An ninh hàng không, Thương mại mặt đất... Phối hợp chặt chẽ với các doanh nghiệp trong ngành từ khâu tuyển sinh, chương trình, nội dung đào tạo và điều kiện tốt nghiệp. Phát triển nhóm này theo hướng tăng hàm lượng kiến thức thực tế, đảm bảo sau khi tốt nghiệp có thể làm việc được ngay. Quy mô tuyển sinh và chi phí đào tạo của các chương trình nhóm này được xác định dựa trên phân tích nhu cầu doanh nghiệp và điều kiện tổ chức từng chương trình;

+ Nhóm 3: Các chương trình đào tạo đặc biệt. Nhóm này bao gồm các chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn quốc tế được tổ chức đào tạo dưới hình thức liên doanh, liên kết hoặc có đầu tư của nước ngoài. Các chương trình đào tạo bao gồm: Người lái tàu bay thương mại (phi công), Kiểm soát viên không lưu, thợ kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay... chi phí đào tạo của các chương trình nhóm này được xác định dựa trên phân tích nhu cầu doanh nghiệp và điều kiện tổ chức từng chương trình.

- Phối hợp với Cục Hàng không Việt Nam các doanh nghiệp trong việc xây dựng, đổi mới, cập nhật các chương trình đào tạo lao động chuyên ngành hàng không, trong đó xây dựng các chương trình theo hướng đào tạo cơ bản tại Học viện, huấn luyện thực hành nghề nghiệp tại các cơ quan nhà nước và doanh nghiệp.

c) Đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học

- Đa dạng hóa nội dung, tài liệu học tập, đáp ứng yêu cầu của trình độ, chương trình đào tạo và nhu cầu học tập của người học. Từng bước hoàn thiện hệ thống giáo trình, tài liệu học tập và trang thiết bị thực hành nghề. Phần đầu đến năm 2016, hoàn thiện hệ thống giáo trình chuyên ngành, tài liệu học tập và trang thiết bị thực hành nghề phục vụ cho công tác đào tạo.

- Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học; khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc.

- Tập trung dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học, tạo cơ sở để người học tự cập nhật và đổi mới tri thức, kỹ năng, phát triển năng lực. Chuyển từ học chủ yếu trên lớp sang tổ chức hình thức học tập đa dạng, chú ý các hoạt động xã hội, ngoại khóa, nghiên cứu khoa học. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học.

- Đổi mới mạnh mẽ nội dung giáo dục đại học theo hướng hiện đại, phù hợp với từng ngành, chuyên ngành đào tạo. Tổ chức thực hiện đào tạo theo tín chỉ triệt để và thực chất. Chú trọng phát triển năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành, đạo đức nghề nghiệp và hiểu biết xã hội cho người học; từng bước tiếp cận trình độ khoa học và công nghệ tiên tiến về hàng không của thế giới.

- Tiếp tục xây dựng nội dung đào tạo nghề theo hướng tích hợp kiến thức, kỹ năng, tác phong làm việc chuyên nghiệp để hình thành năng lực nghề nghiệp.

d) Xây dựng, cam kết về các tiêu chuẩn đào tạo và chuẩn đầu ra

- Trong giai đoạn 2015-2017 tập trung xây dựng, hoàn thiện các tiêu chuẩn đào tạo và chuẩn đầu ra, cụ thể:

- + Chuẩn sinh viên đầu vào;
- + Chuẩn giảng viên;
- + Chuẩn chương trình đào tạo;
- + Chuẩn phương pháp giảng dạy và học tập;
- + Chuẩn cơ sở vật chất phục vụ đào tạo;
- + Chuẩn đánh giá;
- + Chuẩn sinh viên đầu ra.

3. Về nghiên cứu khoa học

- Để đạt được mục tiêu huy động các nguồn lực xã hội đầu tư cho công tác nghiên cứu khoa học cần tập trung phát triển công tác nghiên cứu khoa học phục vụ thực tiễn sản xuất kinh doanh.

- Nghiên cứu khoa học không tách rời thực tế và sản phẩm nghiên cứu khoa học phải mang lại lợi ích thiết thực cho xã hội. Vì vậy, nghiên cứu khoa học phải gắn kết chặt chẽ với các đơn vị sản xuất kinh doanh trong và ngoài Ngành.

- Trong giai đoạn 2015 – 2016, xây dựng quy trình quản lý công tác nghiên cứu khoa học theo hướng đẩy mạnh xã hội hóa, tăng cường sự tham gia của các đơn vị trên cơ sở những thỏa thuận đã được Học viện ký kết với các bên.

- Tạo ra một cơ chế quản lý tài chính minh bạch trong nghiên cứu khoa học và tư vấn, phân định rõ giữa những hoạt động phục vụ trực tiếp đào tạo và những hoạt động giúp tăng nguồn thu cho Học viện.

4. Về tổ chức, biên chế (số người làm việc)

Cơ chế tự chủ về tổ chức và nhân sự là cơ sở để Học viện chủ động trong việc xây dựng mô hình tổ chức, đổi mới cơ cấu và phát triển đội ngũ cán bộ và xây dựng các chế độ lương và đãi ngộ hợp lý để tuyển dụng được cán bộ có trình độ tốt và giữ được cán bộ có năng lực, tâm huyết với sự phát triển của Học viện. Các giải pháp phát triển tổ chức, đội ngũ của Học viện bao gồm:

a) Về tổ chức, bộ máy

- Xây dựng bộ máy quản trị phù hợp với lộ trình thực hiện tự chủ. Bộ máy tổ chức cần đảm bảo tính linh hoạt, hiệu quả nhằm đến mục tiêu phát triển dài hạn của Học viện.

- Thành lập Hội đồng trường của Học viện, trong đó có thành viên là đại diện cơ quan chủ quản; các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp hàng không.

- Nghiên cứu, xây dựng lại Quy chế tổ chức và hoạt động, trong đó sửa đổi, bổ sung quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Học viện theo hướng tăng quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các đơn vị.

- Trong giai đoạn 2015-2016, chuyển đổi, nâng cấp các khoa, trung tâm chuyên ngành để đào tạo theo tiêu chuẩn của Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế (ICAO) và tiêu chuẩn của Việt Nam.

b) Về nhân sự

- Trên cơ sở mô hình tổ chức được rà soát lại, thực hiện việc cơ cấu lại bộ máy quản lý theo hướng tinh, gọn và chuyên nghiệp nhằm đáp ứng các yêu cầu, nhiệm vụ trong cơ chế tự chủ, giúp việc hiệu quả cho Ban Giám đốc thực hiện các nhiệm vụ chính trị của Học viện, phân cấp và giao quyền tự chủ hơn cho các khoa, trung tâm.

- Xây dựng Đề án vị trí việc làm và xác định kế hoạch nhân lực giai đoạn 2015 – 2020, kế hoạch nhân lực hàng năm đảm bảo đủ nhân sự, đúng chuyên môn, phù hợp mục tiêu phát triển của Học viện.

- Bố trí lại cán bộ theo hướng giảm tỷ lệ cán bộ hành chính và phục vụ, chú trọng hơn việc xây dựng kế hoạch tổng thể phát triển nguồn nhân lực của toàn Học viện, bồi dưỡng giảng viên và cán bộ quản lý nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Phát triển đội ngũ giảng viên chủ yếu về mặt chất lượng, đến năm 2016 tỉ lệ sinh viên chính quy trên giảng viên quy đổi đảm bảo theo quy định, tăng tỉ lệ giảng viên có trình độ tiến sỹ.

- Tập trung đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên ở trong nước và nước ngoài đảm bảo đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành Hàng không.

- Xây dựng, hoàn thiện tiêu chí tuyển dụng nhân lực, phương án tiền lương theo kết quả công việc; chú trọng chế độ ưu đãi người có trình độ, năng lực cao. Việc tuyển dụng nhân sự của Học viện căn cứ vào chỉ tiêu nhân sự đã được định biên, vị trí việc làm và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp. Công tác tuyển dụng bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng, khách quan và đúng pháp luật; đồng thời, bảo đảm tính cạnh tranh và có tính đến các đối tượng ưu tiên theo quy định.

- Tăng cường và cải thiện điều kiện, môi trường làm việc nhằm thu hút và phát huy tối đa năng lực của đội ngũ cán bộ giảng viên, quan tâm nâng cao thu nhập thông qua việc đổi mới và nâng cao hiệu quả đào tạo và nghiên cứu:

- Tăng cường và cải thiện điều kiện về cơ sở vật chất và môi trường làm việc cho cán bộ (phòng làm việc, trang thiết bị thí nghiệm và giảng dạy, thư viện, tài liệu...), tạo điều kiện cho cán bộ được đào tạo nâng cao trình độ, chú trọng hơn nữa đến công tác bồi dưỡng cập nhật kiến thức, tiếp cận với các trường đại học tiên tiến trên thế giới.

5. Về tài chính, tài sản

a) Về tài chính

- Các giải pháp về tài chính tập trung vào mục tiêu tăng nguồn thu hợp pháp, giảm dần bao cấp từ ngân sách nhà nước, hướng đến tự đảm bảo toàn bộ kinh phí hoạt động từ sau năm 2020 và đảm bảo cho quá trình phát triển bền vững.

- Đối với đào tạo theo đơn đặt hàng của nhà nước, giá dịch vụ đào tạo được xác định trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

- Đối với đào tạo theo nhu cầu xã hội: Xây dựng mức học phí cho các loại hình, ngành đào tạo, chương trình và chất lượng đào tạo theo nguyên tắc cân đối nhu cầu và khả năng chi trả của xã hội, thực tế thu, chi và tích lũy đầu tư phát

triển; đồng thời xây dựng quỹ học bổng khuyến khích đề thu hút sinh viên giỏi vào trường trên cơ sở xây dựng chi phí đào tạo theo lộ trình:

+ *Giai đoạn 2015 - 2017*: Tính đủ chi phí tiền lương của toàn bộ cán bộ, giảng viên, viên chức của Học viện; chi phí trực tiếp phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập hoặc hoạt động cung cấp dịch vụ đào tạo; chưa tính chi phí quản lý chung và chi phí khấu hao tài sản cố định;

+ *Giai đoạn 2018- 2020*: Tính đủ chi phí tiền lương của toàn bộ cán bộ, giảng viên, viên chức của Học viện; chi phí trực tiếp phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập hoặc hoạt động cung cấp dịch vụ đào tạo; chi phí quản lý chung; chưa tính chi phí khấu hao tài sản cố định.

+ *Giai đoạn sau 2020*: Mức giá tính đủ chi phí và mức tích lũy hợp lý.

- Chủ động tìm kiếm và khai thác các nguồn tài chính từ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và tư vấn, sản xuất kinh doanh và các dịch vụ khác của Nhà trường.

- Hoàn thiện quy chế thu chi nội bộ, đảm bảo nguyên tắc công bằng và tạo động lực phát triển. Áp dụng các biện pháp quản lý Học viện về mặt tài chính theo cơ chế công khai và minh bạch thông qua Quy chế thu chi nội bộ; áp dụng chế độ khen thưởng linh hoạt, công bằng và hợp lý. Áp dụng mức thu nhập đặc biệt đối với một số vị trí công tác đặc biệt, các cán bộ giảng viên giỏi, đạt trình độ quốc tế.

b) Quản lý, sử dụng tài sản

- Xây dựng, trình Bộ Giao thông vận tải phê duyệt Đề án tự chủ về tài sản (Đề án sử dụng tài sản) để tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện các hoạt động liên kết, hợp tác của Học viện.

- Xây dựng phương án khai thác hiệu quả hệ thống cơ sở vật chất hạ tầng hiện có. Xây dựng quy chế sử dụng cơ sở vật chất, phòng học, giảng đường nhằm tăng hiệu suất khai thác hệ thống cơ sở vật chất, hạ tầng.

6. Về xã hội hóa

Đẩy mạnh xã hội hóa công tác đào tạo của Học viện, bao gồm:

- Tăng cường sự tham gia của các doanh nghiệp trong quá trình đào tạo, gắn đào tạo với thực tiễn trên cơ sở đảm bảo hài hòa nghĩa vụ và quyền lợi của các bên tham gia;

- Tăng cường phát triển các chương trình đào tạo theo phương thức liên kết, hợp tác với các cơ sở đào tạo nước ngoài đạt chuẩn; xây dựng và phát triển

các chương trình đào tạo chất lượng cao đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế theo nguyên tắc tự cân đối và có tích lũy từ năm 2017.

- Xây dựng phương án dài hạn đầu tư, khai thác ký túc xá, sân bóng, nhà ăn theo phương thức xã hội hóa. Thực hiện tự chủ toàn diện về chi đầu tư phát triển từ sau năm 2020.

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực đào tạo, xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị học tập.

- Huy động các nguồn vốn đóng góp từ các tổ chức, cá nhân, trong và ngoài nước.

- Thực hiện liên kết với doanh nghiệp, trong đó ưu tiên việc góp vốn, đào tạo liên kết giữa Học viện và các trường, các doanh nghiệp hàng không trong và ngoài nước.

- Năm 2015: Thực hiện xã hội hóa Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học hàng không;

- Năm 2016: Thực hiện xã hội hóa toàn bộ các trung tâm hoạt động dịch vụ và phục vụ hoạt động đào tạo, bao gồm: Trung tâm đào tạo phi công, Trung tâm Đào tạo nghiệp vụ hàng không, Trung tâm Dịch vụ và Tư vấn hàng không.

- Giai đoạn 2017-2020: Từng bước mở rộng việc thực hiện xã hội hóa trên tất cả các lĩnh vực.

Điều 2. Tổ chức thực hiện Đề án

1. Trách nhiệm thực hiện

a) Học viện Hàng không Việt Nam

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan để tổ chức thực hiện Đề án, báo cáo Bộ Giao thông vận tải (qua Vụ Tổ chức cán bộ) và những cơ quan liên quan những vấn đề vượt thẩm quyền.

- Định kỳ tổ chức đánh giá tình hình thực hiện Đề án, báo cáo Bộ Giao thông vận tải để kịp thời bổ sung, điều chỉnh; chủ động đề xuất các giải pháp có tính khả thi, hiệu quả.

b) Vụ Tổ chức cán bộ

- Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra đôn đốc việc thực hiện Đề án theo đúng tiến độ, định kỳ tổng hợp đánh giá, báo cáo Bộ kết quả thực hiện.

- Phối hợp với Học viện tăng cường công tác tuyên truyền và vận động nhằm quán triệt sâu rộng, tạo sự thống nhất về nhận thức đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo, công chức, viên chức, giảng viên, giáo viên về các nội dung đổi mới cơ chế hoạt động và thực hiện xã hội hóa đối với Học viện.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan trong công tác theo dõi, kiểm tra việc thực hiện các chính sách, chế độ về đổi mới cơ chế hoạt động và thực hiện xã hội hóa giáo dục của Học viện.

c) Cục Hàng không Việt Nam và các tổ chức tham mưu giúp việc Bộ trưởng có trách nhiệm phối hợp, hướng dẫn Học viện tổ chức thực hiện Đề án theo đúng quy định.

d) Các doanh nghiệp ngành hàng không thuộc Bộ

Ưu tiên tuyển chọn, sử dụng học sinh, sinh viên tốt nghiệp từ Học viện; tiếp tục tăng cường hỗ trợ Học viện về thực tập, thực hành, đóng góp xây dựng quỹ phát triển Học viện, học bổng hỗ trợ; liên kết đầu tư cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; tham gia Hội đồng trường của Học viện; tham gia xây dựng các chương trình đào tạo; đặt hàng đào tạo và đào tạo lại đội ngũ nhân lực của doanh nghiệp mình tại Học viện.

2. Tiến độ thực hiện

a) Giai đoạn 2015 – 2016: Tập trung thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Quy hoạch hệ thống sản phẩm đào tạo của Học viện gắn với nhu cầu thị trường lao động theo định hướng xã hội hóa, đẩy mạnh liên kết, hợp tác;

- Tập trung hoàn thiện hệ thống quy định, quy trình quản lý mới theo định hướng tự chủ trong hoạt động;

- Chuẩn bị các phương án đảm bảo các điều kiện, nguồn lực cần thiết để bước vào giai đoạn tự chủ, tự chịu trách nhiệm hoàn toàn và đẩy mạnh xã hội hóa;

- Năm 2015: Hoàn thiện, tổ chức thực hiện các Đề án tuyển sinh, Đề án tiền lương, Đề án học phí, Đề án tự chủ về tài sản (Đề án sử dụng tài sản);

- Năm 2016: Xây dựng, tổ chức thực hiện Đề án tự chủ về tài chính.

b) Giai đoạn 2017 – 2020:

- Năm 2017: Xây dựng Đề án tự chủ hoàn toàn về tổ chức, hoạt động và tài chính, báo cáo Bộ Giao thông vận tải trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

- Từ năm 2018: Tổ chức thực hiện Đề án tự chủ hoàn toàn về tổ chức, hoạt động và tài chính theo lộ trình 2018-2020;

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Giám đốc Học viện Hàng không Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Thứ trưởng Bộ GTVT;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Lưu: VT, TCCB (Ndt).

